

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/KDTMPT
Ngày: 09/6/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Minh Trang**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Hoàng Dũng**

Bà **Bùi Thị Cẩm Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà **Đông Thị Thanh Nga** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C**

Trụ sở: Trần Hưng Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Hồng T**, sinh năm 1967.

Chức vụ: Phụ trách Văn phòng đại diện Chi nhánh 4 (Có mặt)

Địa chỉ: Bến Vân Đ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Công ty Cổ phần Thép Đ**

Trụ sở: Khu đô thị mới Hưng Phú, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Tạ Thị A**, sinh năm 1960 – Chức vụ: Giám đốc.

Ủy quyền cho Ông **Võ Văn S**, sinh năm 1963.

Địa chỉ liên lạc: Ngô Văn S, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.
(Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2019)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Trương Công H**, sinh năm 1957

Địa chỉ: đường Hồng B, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy quyền cho ông **Lê Văn K**- sinh năm 1966.

Địa chỉ: đường số 1, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền ngày 26/9/2017.

2/ Ông **Trương Thanh H**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường Hồng B, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà **Lê Thị Hồng N** sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường Hồng B, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu phố 3, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy quyền cho ông **Liên Văn T**, sinh năm 1969 và ông **Lê Văn K**- sinh năm 1966.

Địa chỉ: Hậu G, Phường S, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền ngày 25/10/2019.

Có luật sư **Trần Hoàng D**, thuộc Công ty Luật TNHH một thành viên Trường Minh, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà Nguyễn Thị C.

5/ Ông **Võ Văn S**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Khu phố 3, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Ngô Văn S, Phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

6/ Ông **Võ Anh T** (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ngô Văn S, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Thép Đ. Và Bà Nguyễn Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ban đầu và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 01/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tam Hoàng P trình bày:**

Ngân hàng TMCP C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty Cổ phần Thép Đ (sau đây gọi tắt là Công ty) có ký kết hợp đồng tín dụng số 13.048.003/HĐTD ngày 17/05/2013. Theo hợp đồng thì Ngân hàng cho Công ty vay số tiền 7.000.000.000đ đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, kinh doanh thép xây dựng. Khoản vay có tài

sản bảo đảm. Cụ thể là theo Hợp đồng thế chấp số 11.022.001/HĐTC ngày 26/01/2011, Văn bản sửa đổi bổ sung số 1 ngày 16/03/2012, Văn bản sửa đổi bổ sung số 2 ngày 20/08/2014 thì tài sản bảo đảm bao gồm: Đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Quyền sử dụng đất số CH06066 cấp ngày 15/3/2011, đất tọa lạc tại đường Hồng B, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sử dụng là Ông Trương Công H và Bà Nguyễn Thị C.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn, dẫn đến khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn lần đầu tiên vào ngày 25/02/2014. Công ty nhiều lần cam kết thực hiện đúng các nghĩa vụ trả nợ và xử lý tài sản để trả nợ nhưng vẫn không thực hiện, mặc dù, đã được Ngân hàng tạo mọi điều kiện thuận lợi, gia hạn thời gian thực hiện các cam kết, nghĩa vụ được bảo đảm đã phát sinh nhưng Bên bảo đảm vẫn không tự nguyện thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng bảo đảm đã ký kết.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 15/5/2018 theo hợp đồng tín dụng số tiền là 11.560.466.465đ (Mười một tỷ năm trăm sáu mươi triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng). Trong đó, có 6.698.700.000đ tiền nợ gốc, 3.314.911.539đ tiền nợ lãi và 1.546.854.926đ tiền lãi phạt. Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn trả tiếp số tiền lãi phát sinh từ nay đến khi vụ án được xét xử. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ số nợ thì nguyên đơn yêu cầu được phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm: Đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Quyền sử dụng đất số CH06066 cấp ngày 15/3/2011, đất tọa lạc tại Hồng B, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, do vụ án kéo dài nên ngân hàng bổ sung yêu cầu tính lãi đến tháng 3/2019, số tiền lãi yêu cầu bổ sung là 885.000.000đ.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 12.445.717.847đ. Trong đó, có 6.698.700.000đ tiền nợ gốc, 4.200.162.921đ tiền nợ lãi và 1.546.854.926đ tiền lãi phạt.

Tại giai đoạn thi hành án, khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án bị đơn còn phải chịu lãi suất chậm thi hành đối với số tiền chưa thanh toán.

*** Bị đơn Công ty Cổ phần Thép Đ- đại diện ủy quyền là Ông Võ Văn S trình bày:**

Năm 2013, Công ty có giao dịch vay tiền của Ngân hàng, số tiền vay là 7.000.000.000đ. Công ty đã trả cho ngân hàng số tiền 301.300.000đ, tiền gốc còn nợ lại ngân hàng là 6.698.700.000đ. Tài sản đảm bảo là Đất và tài sản gắn liền với đất

thuộc Quyền sử dụng đất số CH06066 cấp ngày 15/3/2011, đất tọa lạc tại Hồng B, Phường H, Quận s, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên ông H và bà C. Ông Hải và bà C ủy quyền phần tài sản trên cho ông S theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2010. Trong 06 năm vừa qua, Công ty làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả nợ nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng. Nay, Ngân hàng khởi kiện đòi nợ gốc và lãi tổng cộng 12.445.717.847, công ty không có khả năng thanh toán nên Công ty yêu cầu Ngân hàng miễn tiền lãi cho Công ty và để Công ty trả số nợ gốc cho ngân hàng là 6.698.700.000 đồng.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Võ Anh T trình bày:** Thống nhất với phần trình bày của ông S.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Ông Trương Công H trình bày:** Ông Hải và Ông Võ Văn S là bạn bè. Vào tháng 9/2010, do ông S kẹt vốn làm ăn và có hỏi mượn tiền ông Hải nhưng ông Hải không có tiền. Ông có bàn bạc với vợ là bà C giúp ông Sâm bằng cách ủy quyền nhà và đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06066 cấp ngày 15/3/2011, đất tọa lạc tại Hồng B, Phường H, Quận S, thành Phố Hồ Chí Minh đứng tên ông Hải và bà C để ông S đi thế chấp vay tiền. Ông S hứa cuối năm 2015 sẽ trả lại giấy tờ tài sản. Sau khi ủy quyền cho ông S thì ông Hải qua Mỹ để làm việc. Đến năm 2014, ông về Việt Nam và được biết ông S thế chấp tài sản này để Ông Võ Anh T (là con trai của ông S) vay tiền của Ngân hàng. Đến năm 2015, khi ngân hàng mời ông làm việc về khoản vay này thì ông có liên hệ với ông S để yêu cầu lấy lại giấy tờ đất nhưng ông S không trả và chỉ viết giấy hứa hẹn trả nhưng vẫn không trả. Nội dung ủy quyền là ông S phải trực tiếp thế chấp chứ không được ủy quyền lại cho người khác.

Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ và có yêu cầu phát mãi tài sản của ông Hải để thu hồi nợ thì ông không đồng ý cho phát mãi. Ông yêu cầu Công ty trả nợ cho Ngân hàng để lấy lại giấy tờ nhà, đất trả lại cho ông.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Thị C có yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng tại buổi hòa giải bà C có ý kiến trình bày như sau:** Bà và Ông Trương Công H là vợ chồng nhưng đã ly hôn. Khi ly hôn vấn đề tài sản chưa giải quyết do tự thỏa thuận. Năm 2010, bà và ông Hải có làm ủy quyền đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Quyền sử dụng đất số CH06066 cấp ngày 15/3/2011, đất tọa lạc tại Hồng B, Phường H, Quận s, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên ông Hải và bà C cho Ông Võ Văn S. Ông S và Công ty đem tài sản này thế chấp ngân hàng để vay tiền bà và ông Hải không hề biết. Đến năm 2015, khi ngân hàng mời làm việc về khoản vay

này bà mới biết và có liên hệ với ông S để yêu cầu lấy lại giấy tờ đất nhưng ông S không trả và chỉ viết giấy hứa hẹn trả nhưng vẫn không trả. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ và có yêu cầu phát mãi tài sản của bà để thu hồi nợ thì bà không đồng ý cho phát mãi. Bà đồng ý thay ông S trả cho ngân hàng số nợ gốc là 6.698.700.000 đồng. Còn số tiền lãi bị đơn tự giải quyết với nguyên đơn để trả lại tài sản cho bà. Ngoài ra, bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt theo nội dung bà đã trình bày.

*** Đại diện ủy quyền của bà Lê Thị Hồng N là Ông Trương Công H trình bày:** Ông Trương Thanh Hiếu là con ruột của Ông Trương Công H và Bà Nguyễn Thị C, còn bà Lê Thị Hồng N là con dâu. Ông H và bà N chỉ là người ở trong nhà số Hồng B. Ông H và bà N không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong vụ án này và cũng không có yêu cầu gì.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 03/2019/KDTM-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận C đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

Buộc bị đơn là Công ty Cổ phần Thép Đ (trước đây là Công ty cổ phần thương mại thép V) trả cho nguyên đơn 12.856.106.057đ tính đến ngày 11/7/2019. Trong đó, có 6.698.700.000đ tiền nợ gốc, 4.178.671.689đ lãi vay trong hạn và lãi quá hạn 1.978.734.368đ. Theo hợp đồng tín dụng số 13.048.003/HĐTD ngày 17/05/2013.

Nếu bị đơn không trả hoặc trả không đủ số nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan chức năng tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Quyền sử dụng đất số CH06066 cấp ngày 15/3/2011, đất tọa lạc tại Hồng B, Phường H, Quận s, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sử dụng là Ông Trương Công H và Bà Nguyễn Thị C để thu hồi nợ.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì bị đơn còn phải chịu lãi đối với số tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Đối với yêu cầu bị đơn trả tiền phạt trả lãi là yêu cầu mới phát sinh nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết. Nếu nguyên đơn có yêu cầu thì sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm:

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, Công ty Cổ phần Thép Đ kháng cáo: Đề nghị miễn giảm lãi và xem xét lại việc bên người thế chấp tài sản đã trả tiền thay cho ông để lấy giấy tờ nhà đất.

Ngày 28/10/2019: Bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo: Yêu cầu xem xét lại phần tiền lãi và phía chủ nhà đã nộp số tiền trả thay cho ông S để nhận lại giấy tờ nhưng nay Ngân hàng lại đổi ý nên bà yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 19/8/2019: Ngân hàng có đơn kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo trễ hạn và đã có Quyết định số 02/2019/QĐ-PT ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ về việc không chấp nhận kháng cáo quá hạn của Ngân hàng vì kháng cáo trễ hạn không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo Công ty Cổ phần Thép Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, xin giảm lãi và không phát mãi tài sản của người thế chấp.

Đại diện Bà Nguyễn Thị C, ông Lê Văn K yêu cầu xem xét lại phần tiền lãi vì phía ông và Ngân hàng đã có thỏa thuận và lên nhiều phương án để xin xem xét giảm miễn một phần lãi, nay yêu cầu Ngân hàng tiếp tục giảm lãi để phía bà C có thể trả nợ để nhận lại tài sản.

**Quan điểm của luật sư Trần Hoàng Diệu, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị C:*

Theo luật sư, phía bà C rất có thiện chí trả phần nợ vốn vay cho Ngân hàng vì tài sản thế chấp là của bà và ông Hải đã dùng để đảm bảo cho khoản vay nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho phía bà C trả toàn bộ phần nợ gốc; đối với phần tiền lãi đề nghị Ngân hàng giảm 50% tiền lãi trong hạn và giảm toàn bộ lãi quá hạn để bà C giảm đi phần nào thiệt hại. Ngân hàng là tổ chức tín dụng, giữa các bên đã nhiều lần làm việc để xin chính sách giảm lãi nhưng vì Ngân hàng thấy tài sản có giá trị đảm bảo cao nên không xem xét tạo điều kiện cho chủ tài sản trả nợ mà cứ để kéo dài cho đến thời gian này. Đến phiên tòa hôm nay, phía người đại diện của bà C đã có chuẩn bị các khoản tiền để trả số nợ gốc và 50% nợ lãi trong hạn nhưng Ngân hàng vẫn không đồng ý, là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C. Đại diện ngân hàng có phát biểu rằng Ngân hàng luôn mong muốn thu nợ càng sớm càng tốt nhưng trong trường hợp món vay này Ngân hàng lại không chịu nhận tiền của đại diện bà C.

Đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của bà C; sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bà C, xem xét lại giảm 50% tiền lãi trong hạn và giảm toàn bộ lãi quá hạn để bà C giảm đi phần nào thiệt hại.

Đại diện ngân hàng trình bày: Đối với phía bị đơn đã thống nhất số liệu và cách tính lãi của ngân hàng và yêu cầu giảm toàn bộ lãi đi làm ăn thua lỗ là không có căn cứ chấp nhận, ngân hàng không đồng ý.

Đối với phía bà C: Khách hàng khi có yêu cầu làm việc với Ngân hàng phải thể hiện thiện chí. Trên thực tế, đến giai đoạn thi hành án các bên vẫn có quyền thỏa thuận, Ngân hàng luôn sẵn sàng giữ thiện chí với khách hàng và chủ tài sản để đảm bảo thu hồi nợ. Phía luật sư và đại diện của bà C cho rằng Ngân hàng cố tình kéo dài không thu nợ của bà C là không đúng. Ngân hàng có trên 65% vốn Nhà nước và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đề nghị người đại diện của bà C cho rằng Ngân hàng gây khó khăn là không đúng. Nếu chủ tài sản có thiện chí trả nợ, các phiên tòa chỉ là thủ tục liên quan đến tố tụng, các ý kiến của các bên chỉ có thể được ghi nhận đến giai đoạn thi hành án nhưng phía những người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ gì mới để đặt ra xem xét nên Ngân hàng không đồng ý và yêu cầu giữ Y án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo:

Đối với phía nguyên đơn có đơn kháng cáo quá hạn, Tòa án đã có Quyết định không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn với lý do nhận bản án trở nên kháng cáo của nguyên đơn không được xem xét. Riêng các kháng cáo còn lại được xem xét, đánh giá như sau:

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, có thay đổi một phần nội dung kháng cáo, yêu cầu trả toàn bộ phần nợ gốc; đối với phần tiền lãi đề nghị Ngân hàng giảm 50% tiền lãi trong hạn và giảm toàn bộ lãi quá hạn để bà C giảm đi phần nào thiệt hại.

Thấy rằng: Để bảo đảm khoản vay, các bên đã ký hợp đồng thế chấp. Phía bị đơn yêu cầu giảm lãi nhưng không có căn cứ gì để chứng minh cho yêu cầu này nên không

đặt ra xem xét. Đến phiên tòa hôm nay hiện nay, đại diện ông Hải không yêu cầu xem xét lại Hợp đồng ủy quyền, chỉ yêu cầu Ngân hàng giảm lãi để tạo điều kiện cho Công ty trả nợ để ông nhận lại tài sản thế chấp. Cơ sở tính lãi của án sơ thẩm là phù hợp nên không có căn cứ để xem xét lại. Tại giai đoạn phúc thẩm, giữa các bên đã có nhiều lần làm việc thỏa thuận và ngân hàng đã gia hạn tạo điều kiện, giải pháp để thỏa thuận về phương pháp trả nợ và lãi nhưng các bên vẫn chưa đi đến sự thống nhất. Ngân hàng không đồng ý giảm lãi và các bên cũng không thương lượng được nên không có cơ sở để xem xét lại.

Từ những phân tích nêu trên là không có cơ sở chấp nhận kháng cáo bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà C. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; của luật sư, những người tham gia tố tụng khác.

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP C và Công ty cổ phần Thép Đ có ký hợp đồng tín dụng với mục đích vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên phát sinh tranh chấp và Ngân hàng có đơn khởi kiện. Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Điều 30, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Nguyên đơn có đơn kháng cáo quá hạn nhưng nguyên đơn không có lý do chính đáng khi kháng cáo quá hạn, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã có Quyết định không chấp nhận kháng cáo quá hạn, nên vấn đề kháng cáo này không đặt ra xem xét.

[2.2] Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C kháng cáo. Đơn kháng cáo hợp lệ về mặt hình thức. Viện Kiểm sát không có kháng nghị. Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nguyên yêu cầu kháng cáo.

Để xét nội dung kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cần đánh giá tính khách quan, toàn diện của hồ sơ, cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ các chứng cứ có liên quan để xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy:

Hội đồng xét xử nhận định:

[3] Về tính pháp lý: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên: Công ty Thép Đ có đại diện pháp luật là bà Tạ Thị Anh. Trong hợp đồng đại diện Công ty ký kết hợp đồng là Ông Võ Anh T là thành viên Hội đồng quản trị. Theo Biên bản họp hội đồng quản trị về việc vay vốn, bảo lãnh và bảo đảm cấp tín dụng tại Vietinbank của Công ty CP TM Thép V thì tất cả các thành viên hội đồng quản trị thống nhất ủy quyền cho Ông Võ Anh T là người đại diện công ty ký kết các hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm, thế chấp...(BL 36, 37). Do đó, việc ông Tiến đại diện Công ty ký tên trong hợp đồng tín dụng là đầy đủ tư cách và hợp lệ. Vì vậy, hợp đồng tín dụng là đúng quy định pháp luật và có giá trị pháp lý. Bị đơn cũng thừa nhận còn nợ số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng là 6.698.700.000đ nên yêu cầu đòi số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về số tiền lãi: Theo hợp đồng tín dụng lãi suất áp dụng là lãi suất thả nổi. Lãi suất trong hạn là lãi suất năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm, Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là 14%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất trong hạn. Mức tiền phạt bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ngân hàng yêu cầu công ty trả số tiền lãi trong hạn và quá hạn là 4.200.162.921đ tiền nợ lãi và 1.546.854.926đ tiền lãi phạt. Bị đơn yêu cầu được miễn toàn bộ lãi chỉ đồng ý trả gốc. Ngoài ra, bị đơn còn nại ra, trước đây đã báo tình hình kinh doanh khó khăn của Công ty và yêu cầu Ngân hàng khoan nợ lãi nhưng Ngân hàng vẫn tính lãi nên bị đơn không đồng ý trả lãi. Căn cứ các biên bản làm việc giữa Ngân hàng và Công ty từ năm 2014 đến năm 2015, Ngân hàng đã tạo nhiều điều kiện, thời gian để trả nợ nhưng Công ty không thực hiện cam kết. Ngân hàng là tổ chức kinh doanh vì mục đích sinh lợi, việc ký kết hợp đồng thỏa thuận lãi suất là tự nguyện và việc ngân hàng đã tạo điều kiện, gia hạn thời gian trả nợ cho Công ty là có lợi cho Công ty nhưng Công ty không thực hiện. Việc yêu cầu tính lãi của ngân hàng là đúng quy định nên được chấp nhận. Yêu cầu xem xét được giảm miễn toàn bộ lãi của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm luật sư của bà C và người đại diện cũng đề nghị xem xét giảm 50% lãi trong hạn và toàn bộ lãi quá hạn đối với khoản vay để bà C trả thay và nhận lại tài sản thế chấp nhưng đại diện Ngân hàng không đồng ý nên không có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu này.

Đối với khoản tiền lãi phạt trả lãi phạt vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chưa xem xét, nếu sau này có phát sinh tách thành vụ án khác.

[5] Xét kháng cáo của Bà Nguyễn Thị C về việc liên quan đến xử lý tài sản thế chấp. Thấy rằng:

Đối với hợp đồng thế chấp: Ông Hải và bà C cho rằng Hợp đồng thế chấp là không hợp pháp do ông, bà chỉ ủy quyền cho ông S để ông S vay tiền chứ không ủy quyền để ông S bảo đảm cho người khác vay tiền. Và ông S cũng không thông báo kết quả những công việc trong việc thực hiện ủy quyền cho bên ủy quyền biết và thời hạn hợp đồng đã hết nên không đồng ý để ngân hàng phát mãi tài sản để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Quyền sử dụng đất số CH06066 cấp ngày 15/3/2011, đất tọa lạc tại Hồng B, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến phiên tòa phúc thẩm phía đại diện bà C, ông Hải không yêu cầu xem xét lại Hợp đồng ủy quyền, chỉ yêu cầu Ngân hàng giảm lãi để tạo điều kiện cho Công ty trả nợ để bà C, ông Hải nhận lại tài sản thế chấp.

[6] Tuy nhiên, phía bị đơn không trả nợ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã ký là lỗi của bị đơn. Và khi khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp nên khi bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan chức năng tiến hành phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp ông H và bà C có yêu cầu ông S bồi thường thiệt hại về tài sản thì có thể khởi kiện ông S thành vụ án khác.

Tại giai đoạn phúc thẩm, giữa các bên đã có nhiều lần làm việc thỏa thuận và ngân hàng đã gia hạn tạo điều kiện, giải pháp để thỏa thuận về phương pháp trả nợ và lãi nhưng các bên vẫn chưa đi đến sự thống nhất. Việc này, các bên có quyền thương lượng trong quá trình thi hành án, cho đến giai đoạn phúc thẩm các bên không thỏa thuận nên không đặt ra xem xét lại. Từ những phân tích nêu trên là không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà C.

Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bà C, đề nghị sửa án sơ thẩm nhưng không đưa ra căn cứ nào khác ngoài trình bày tại phiên tòa để xin giảm lãi nên không có cơ sở để xem xét.

[7] Từ những phân tích cụ thể nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn và bà C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:*Căn cứ:*

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 90, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

Buộc bị đơn là Công ty Cổ phần Thép Đ (trước đây là Công ty cổ phần thương mại Thép V) trả cho nguyên đơn 12.856.106.057đ (Mười hai tỉ, tám trăm năm mươi sáu triệu, một trăm lẻ sáu ngàn, không trăm năm mươi bảy đồng) tính đến ngày 11/7/2019. Trong đó, có 6.698.700.000đ tiền nợ gốc, 4.178.671.689đ lãi vay trong hạn và lãi quá hạn 1.978.734.368đ. Theo hợp đồng tín dụng số 13.048.003/HĐTD ngày 17/05/2013.

Nếu bị đơn không trả hoặc trả không đủ số nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan chức năng tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp là đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Quyền sử dụng đất số CH06066 cấp ngày 15/3/2011, đất tọa lạc tại Hồng B, Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sử dụng là ông Trương Công H và Bà Nguyễn Thị C để thu hồi nợ.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì bị đơn còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng.

- Đối với yêu cầu bị đơn trả tiền phạt trả lãi là yêu cầu mới phát sinh nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết. Nếu nguyên đơn có yêu cầu thì sẽ giải quyết thành vụ án khác.

2. Về chi phí thẩm định: Ghi nhận nguyên đơn tự nguyện nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 120.856.000đ (Một trăm hai mươi triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng) án phí sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn được nhận lại 58.311.000đ (Năm mươi tám triệu ba trăm mười một nghìn đồng) và 19.275.000đ (Mười chín triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 008859 ngày 11/3/2016 và biên lai số 007110 ngày 01/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bị đơn phải chịu 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh Thương mại phúc thẩm đã nộp 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) theo các biên lai số 005659 ngày 20/9/2019 và biên lai số 005576 ngày 20/8/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bị đơn đã nộp xong.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị C phải chịu 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) theo các biên lai số 005699 ngày 28/10/2019 và biên lai số 005577 ngày 20/8/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà C đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 04/5/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- Tòa án nhân dân Q. C;
- Chi Cục THADS Q.C;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- Tòa án nhân dân Q. Ô Môn;
- Chi Cục THADS Q. Ô Môn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh Trang

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Minh Trang

